TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/DS-ST
Ngày 14-8-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

2. Bà Lục Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14-8-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2026/TLST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2026/QĐXXST-DS ngày 08/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2026/QĐST-DS ngày 24/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số H đường L, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phạm Quốc M, sinh năm 1989; địa chỉ: Số I đường H, phường B, tỉnh Bắc Ninh - (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1986; nơi cư trú cuối cùng: Thôn P, xã Y, tỉnh Bắc Ninh - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết, ngày 14/3/2023 anh Cao Thanh H cho anh Trần Văn H1 vay 353.000.000 đồng để anh H1 trả khoản vay tại Ngân hàng H2 - Chi nhánh V và sử dụng vào mục đích cá nhân. Hai bên lập "Giấy cho vay tiền", thỏa thuận lãi suất 24%/năm, thời hạn thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi vào ngày 31/3/2023. Sau khi anh H1 ký giấy vay tại trụ sở Ngân hàng H2, anh H đã chuyển đủ số tiền 353.000.000 đồng cho anh H1.

Trong giấy vay có nội dung đánh máy "Bên B đồng ý cho Bên A vay tiền". Đây là lỗi ghi nhầm, bởi phần đầu văn bản xác định anh H là bên cho vay,

anh H1 là bên vay; anh H1 ký tại mục "Bên vay" và đã nhận đủ tiền. Sau khi đến hạn, anh H1 không trả nợ. Ngày 26/6/2023, anh H1 tự viết giấy nhận nợ, xác nhận còn nợ anh H 353.000.000 đồng theo giấy vay ngày 14/3/2023 và hẹn đến ngày 15/7/2023 trả đủ cả gốc và lãi, nhưng sau đó vẫn không thực hiện.

Nguyên đơn yêu cầu anh H1 trả 353.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 15/3/2023 đến khi thanh toán xong theo mức 20%/năm. Tạm tính đến ngày 02/4/2026, tiền lãi là 215.294.700 đồng; tổng cộng là 568.294.700 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị tính lãi với mức 20%/năm kể từ ngày 15/3/2023 đến khi anh H1 trả hết số nợ.

* Anh Trần Văn H1 không có văn bản trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Y và gia đình bị đơn. Kết quả xác minh thể hiện anh H1 đăng ký thường trú tại thôn P, xã Y, tỉnh Bắc Ninh nhưng đã đi khỏi địa phương, thỉnh thoảng mới về, không thông báo địa chỉ mới, anh H1 và vợ đã ly hôn và không ở chung với bố mẹ đẻ. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh H1 không đến làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Buộc anh Trần Văn H1 phải có trách nhiệm trả cho anh Cao Thanh H số tiền 594.393.973 đồng (Năm trăm chín mươi tư triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 353.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/8/2026 là 241.216.667 đồng.

Về án phí: Anh Trần Văn H1 phải chịu 27.768.667 đồng (hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Cao Thanh H khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn H1 trả tiền còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", anh H1 có địa chỉ cư trú tại xã Y, tỉnh Bắc Ninh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

Anh Trần Văn H1 vắng mặt lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H1.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra ngày 14/3/2023 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại Điều 689 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Cao Thanh H về việc yêu cầu anh Trần Văn H1 trả khoản nợ ngày 14/3/2023, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về trách nhiệm trả nợ: Giấy cho vay tiền ngày 14/3/2023 xác định anh H giao cho anh H1 vay số tiền 353.000.000 đồng; anh H1 ký tại mục bên vay và xác nhận đã nhận đủ tiền bằng chuyển khoản. Mặc dù văn bản có một câu đánh máy nhầm về vị trí bên cho vay, bên vay, nhưng các nội dung còn lại của giấy vay và giấy nhận nợ do chính anh H1 viết ngày 26/6/2023 thống nhất xác định anh H1 là người vay, anh H là người cho vay. Các tài liệu này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, có giá trị chứng minh việc giao kết và thực hiện hợp đồng vay.

Thời hạn trả nợ theo giấy vay là ngày 31/3/2023 và tại giấy nhận nợ ngày 26/6/2023, anh H1 tiếp tục hẹn trả vào ngày 15/7/2023. Đến nay anh H1 chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc nào, vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của các đương sự. Hội đồng xét xử thấy việc anh H nợ tiền của anh H1 với số tiền 353.000.000 đồng là có thật cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

- Về số tiền lãi:

Tại Giấy cho vay tiền ngày 14/3/2023, các bên thỏa thuận lãi suất 24%/năm. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay; trường hợp lãi suất thỏa thuận vượt quá mức này thì phần vượt quá không có hiệu lực. Vì vậy,

thỏa thuận về lãi suất 24%/năm không bị vô hiệu toàn bộ mà chỉ phần lãi suất vượt quá 20%/năm, tương ứng 4%/năm, không có hiệu lực pháp luật.

Mặc dù trong đơn khởi kiện nguyên đơn sử dụng cụm từ "lãi chậm trả kể từ ngày 15/3/2023", nhưng khoản vay có thời hạn thanh toán đến ngày 31/3/2023 nên từ ngày 15/3/2023 đến hết ngày 31/3/2023 là thời gian vay trong hạn; từ ngày 01/4/2023 mới phát sinh nợ quá hạn. Theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, đối với thời gian quá hạn, nguyên đơn có quyền yêu cầu lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất vay theo hợp đồng, tương ứng 30%/năm sau khi điều chỉnh mức lãi suất hợp pháp xuống còn 20%/năm. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi trên toàn bộ thời gian theo mức 20%/năm. Đây là sự tự định đoạt của nguyên đơn, thấp hơn mức lãi quá hạn mà nguyên đơn có quyền yêu cầu và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó, tiền lãi được xác định theo mức 20%/năm trên số tiền gốc 353.000.000 đồng, tính từ ngày 15/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2026.

Từ ngày 15/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2026 là 3 năm 05 tháng. Tiền lãi được xác định: (353.000.000 đồng × 20%/năm × 03 năm) + ((353.000.000 đồng × 20%/năm)/12 tháng)x 05 tháng = 241.216.667 đồng.

Tổng số tiền anh Trần Văn H1 phải trả cho anh Cao Thanh H đến ngày xét xử sơ thẩm là 594.216.667 đồng, gồm 353.000.000 đồng tiền gốc và 241.216.667 đồng tiền lãi.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án : Yêu cầu khởi kiện của anh Cao Thanh H được chấp nhận nên bị đơn là anh Trần Văn H1 phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là (20.000.000 đồng + 4% x 194.216.667 đồng) = 27.768.667 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Trần Văn H1 phải có trách nhiệm trả cho anh Cao Thanh H số tiền 594.216.667 đồng (Năm trăm chín mươi tư triệu, hai trăm mười sáu nghìn,

sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 353.000.000 đồng (ba trăm năm mươi ba triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 14/8/2026 là 241.216.667 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu, hai trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Về tiền án phí:

Anh Trần Văn H1 phải chịu 27.768.667 đồng (hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Cao Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Cao Thanh H số tiền 13.365.000 đồng (mười ba triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003742 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 và Điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Thảo